

Bản án số: 1031/2023/HC-PT
Ngày 30 - 11 - 2023
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai; Yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;
Bà Nguyễn Thị Cúc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 23 và 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 518/2023/TLPT-HC ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2023/HC-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2917/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Hoàng T. (Có mặt)

Địa chỉ: Số F D, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người bị kiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc V - Chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy C – Chức vụ: Phó giám đốc. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số C đường X, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Dương Thanh T1 – Chức vụ: Phó giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Thế H – Chi cục trưởng. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. Ông Nguyễn Anh V1. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. Ông Phan Thanh L. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Tòa nhà T, số B T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Hoàng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện ông Nguyễn Hoàng T trình bày: Ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB770108; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB770109; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB770110; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB770111 do Sở T cấp ngày 21/5/2021 đứng tên ông Nguyễn Anh V1, được điều chỉnh, biến động sang tên cho ông Phan Thanh L ngày 15/7/2021.

Lý do khởi kiện: Nguồn gốc phần đất nằm trong các giấy chứng nhận nêu trên là của cha của ông là ông Nguyễn Văn K và mẹ của ông bà Nguyễn Thị V2. Phần đất trước đây tranh chấp và đã được giải quyết bằng Bản án số 90/DSPT có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, bản án tuyên vào năm 2005 nhưng đến năm 2021 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1. Ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa nhận được thủ tục thi hành án nhưng cơ quan có thẩm quyền lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1 và ông V1 đã sang tên cho ông L. Như vậy trình tự, thủ tục thi hành án không đúng và đến nay thì thời hiệu thi hành bản án đã không còn. Do đó ông yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Ông thừa nhận ông không có khiếu nại theo trình tự giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm số 90/DSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang. Về vị trí và diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1, ông không có ý kiến, khiếu nại gì.

Đại diện theo ủy quyền cho người bị kiện trình bày: Việc các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số DB770108; DB770109; DB770110 và số DB770111 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H ký cấp ngày 21/5/2021 cho ông Nguyễn Anh V1, phần đất tọa lạc tại ấp I, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang đã được Sở T thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 98, điểm d khoản 1 Điều 99 Luật đất đai 2013; Điều 84 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 5 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT – BTNMT ngày 19/5/2014, khoản 3 Điều 7 Thông tư 33/2017/TT – BTNMT ngày

29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ T3; Điều 27 Quyết định số 906/QĐ – UBND ngày 19/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh H trên cơ sở theo Bản án số 90/DSPT ngày 17/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất.

Đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB770108; DB770109; DB770110 và số DB770111 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H ký cấp ngày 21/5/2021 cho ông Nguyễn Anh V1, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L chỉnh lý biến động sang tên cho ông Phan Thanh L vào ngày 15/7/2021 được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 98, điểm c khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013, Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT – BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tỉnh T3, Điều 22 Quyết định số 906/QĐ – UBND ngày 19/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 001043 quyền số 01/2021 TP/CC – SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Kim T2 công chứng ngày 01/6/2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Đại diện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, ông Đinh Thê H trình bày:* Theo bản án số 90/DSPT ngày 17/6/2005 có hiệu lực pháp luật buộc ông N và bà V2 phải giao cho ông V1 diện tích đất 6.993m². Ngay sau khi có bản án, ông V1 đã yêu cầu thi hành án luôn trong năm 2005. Ngày 20/7/2005, Chi cục Thi hành án nhân dân huyện Long Mỹ ra Quyết định thi hành án số 152/QĐ.THA.TĐYC thi hành Bản án số 90/DSPT. Do ông N và bà V2 không tự nguyện giao đất nên ngày 14/3/2006 Cơ quan Thi hành án đã thực hiện việc cưỡng chế giao đất. Đến ngày 15/3/2006, Cơ quan Thi hành án ban hành Quyết định số 142/QĐKT.THA kết thúc việc thi hành án. Sau đó cơ quan thi hành án đã chuyển hồ sơ thi hành án đến cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1.

Ông Nguyễn Anh V1 trình bày: Nguồn gốc phần đất được cấp cho hộ của ông vào năm 1997 và đến năm 2021 thì được cấp lại theo bản án. Sau khi có bản án ông đã yêu cầu thi hành án luôn trong năm 2005. Khi thi hành phần đất giao cho ông thì đã có cạm trù mốc nhưng sau đó bị ông T2 tái chiếm lại. Phần đất trên ông đã chuyển nhượng và thực hiện đăng ký biến động sang tên cho ông Phan Thanh L vào năm 2021. Nay ông không đồng ý với yêu cầu của ông T2.

Ông Phan Thanh L trình bày: Ông nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Anh V1 thuộc các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB770108; DB770109; DB770110 và DB770111 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H ký cấp ngày 21/5/2021 cho ông Nguyễn Anh V1, ông V1 đã chỉnh lý sang tên cho ông. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T2.

Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên trước đây ông thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B để vay tiền, hiện ông đã trả xong khoản vay của Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B: Quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt và cũng không có ý kiến bằng văn bản.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2023/HC-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

Căn cứ vào: Các điều 30, 32, 116, 157, 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 và Điều 348 Luật tổ tụng hành chính;

Điểm k khoản 4 Điều 95, khoản 3 Điều 98, điểm d khoản 1 Điều 99, khoản 3 Điều 105 của Luật đất đai năm 2013;

Điều 84 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Khoản 5 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 7 Thông tư 33/2017/TT – BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ T3; Điểm đ khoản 13 Điều 6 thông tư 33/2017/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ T3;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T về việc yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số phát hành DB770108 (số vào sổ CS02236), DB770109 (số vào sổ CS02237), DB770110 (số vào sổ CS02238), DB770111 (số vào sổ CS02239) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 21/5/2021 cho ông Nguyễn Anh V1 vào năm 2021 được chỉnh lý biến động chuyển quyền cho ông Phan Thanh L.

Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/4/2023, người khởi kiện ông Nguyễn Hoàng T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Hoàng T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông do việc cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) cho ông Nguyễn Anh V1 là sai quy trình. Từ khi bản án dân sự phúc thẩm số 90/DSPT ngày 17/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông V1 với ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị V2 (mẹ của ông T) được ban hành thì vẫn chưa được tổ chức thi hành, trong thời gian từ năm 2005 đến năm 2021 gia đình ông vẫn sử dụng đất và không cơ quan nào đến nhắc nhở. Khi bà V2 mất, ông T và anh chị em trong gia đình vẫn tiếp tục sử dụng đất. Khi ông V1 được cấp GCNQSD đất cũng không có cơ quan nào đến kiểm tra hiện trạng sử dụng đất. Do vậy, việc chuyển nhượng giữa ông V1 với ông L và việc ông L được đứng tên trên GCNQSD đất là trái pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định việc cấp GCNQSD đất cho ông V1 là đúng quy định theo kết quả thi hành bản án dân sự phúc thẩm số 90/DSPT ngày 17/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang. Khi cơ quan thi hành án thực hiện cưỡng chế thi hành bản án nêu trên đã tiến hành cắm ranh mốc và bàn giao đất cho ông V1, phía gia đình của bà V2 có bà Nguyễn Thị Bích L1 là con gái bà V2 chứng kiến. Hồ sơ thể hiện hai bên có cam kết là những tài sản trên đất tự chịu trách nhiệm di dời. Trên cơ sở đó, Sở Tài nguyên

và Môi trường tỉnh H đã cấp GCNQSD đất cho ông V1 và căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng hợp pháp giữa ông V1 với ông L để cấp GCNQSD đất đứng tên ông L là đúng quy định. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Kháng cáo của ông T là trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính do đã thực hiện triệu tập hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số phát hành DB770108 (số vào sổ CS02236), DB770109 (số vào sổ CS02237), DB770110 (số vào sổ CS02238), DB770111 (số vào sổ CS02239) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 21/5/2021 cho ông Nguyễn Anh V1, được chỉnh lý biến động chuyển quyền cho ông Phan Thanh L.

Xét, diện tích đất liên quan đến yêu cầu hủy giấy chứng nhận trước đây do ông Nguyễn Anh V1 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000003 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 21/4/1997, do có phát sinh tranh chấp với bà Nguyễn Thị V2 nên được Tòa án giải quyết. Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 90/DSPT ngày 17/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, ông Nguyễn Anh V1 và bà Nguyễn Thị V2 mỗi người được sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000003, cấp ngày 21/4/1997. Công nhận quyền

sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Anh V1, có diện tích 13.986m² theo lược đồ giải thửa ngày 10/3/2000 của Phòng Giao thông - Xây dựng - Địa chính huyện L lập; ông V1, bà V2 mỗi người được nhận phần diện tích 6.993m² (có kèm lược đồ cụ thể).

Thực hiện theo Bản án trên, ông V1 đã yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành thủ tục thi hành án trong năm 2005 và đến ngày 15/3/2006, cơ quan Thi hành án dân sự huyện L đã ban hành Quyết định số 142/QĐKT.THA kết thúc việc thi hành án và chuyển hồ sơ thi hành án đến cơ quan có thẩm quyền đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1. Khi ông V1 thực hiện đăng ký đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DB770108 (số vào sổ CS02236), DB770109 (số vào sổ CS02237), DB770110 (số vào sổ CS02238), DB770111 (số vào sổ CS02239) vào ngày 21/5/2021.

Ngày 01/6/2021, ông V1 đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích trên 04 GCNQSD đất mang tên ông V1 cho ông Phan Thanh L và toàn bộ diện tích đất trên đã được chỉnh lý biến động sang tên cho ông L.

Xét thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành GCNQSD đất số phát hành DB770108 (số vào sổ CS02236), DB770109 (số vào sổ CS02237), DB770110 (số vào sổ CS02238), DB770111 (số vào sổ CS02239) nói trên là phù hợp với quy định của khoản 3 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013 và điểm d khoản 13 Điều 6 Thông tư số 33/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T3. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cũng đã thực hiện đúng các quy định tại khoản 3 Điều 98, điểm d khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai 2013; Điều 84 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 5 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của và khoản 3 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ T3; Điều 27 Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh H trên cơ sở Bản án Dân sự phúc thẩm số 90/DSPT ngày 17/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đối với thủ tục chỉnh lý biến động sang tên ông Phan Thanh L đã được thực hiện bởi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L trên cơ sở nhận chuyển nhượng từ ông V1, là người có toàn quyền của người đứng tên trên GCNQSD đất, nên về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện là đúng quy định tại khoản 3 Điều 98, điểm c khoản 1 Luật Đất đai 2013; Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 3 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ T3; Điều 27 Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Về nội dung, các quyết định hành chính đã ban hành là có căn cứ, đúng thực tế.

Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện với lý do ông T chỉ có tư cách là một trong những người con của bà Nguyễn Thị V2, không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong Bản án dân sự phúc thẩm số 90/DSPT ngày 17/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông V1 và ông Nguyễn Văn N1, trong khi đó bà V2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có ông T là người đại diện theo ủy quyền) cũng không có khiếu nại gì đối với kết quả thi hành Bản án nói trên, là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T được làm trong thời hạn luật định nên là đơn hợp lệ. Tuy nhiên như phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng quy định và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm không có tài liệu, chứng cứ mới nào so với các chứng cứ được thu thập ở cấp sơ thẩm nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo phải chịu. Do ông T là người cao tuổi và có đơn yêu cầu nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ:

Các điều 30, 32, 116, 157, 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 và Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Điểm k khoản 4 Điều 95, khoản 3 Điều 98, điểm d khoản 1 Điều 99, khoản 3 Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013;

Điều 84 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Khoản 5 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 7 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ T3; Điểm đ khoản 13 Điều 6 thông tư 33/2017/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ T3;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T về việc yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số phát hành DB770108 (số vào sổ CS02236), DB770109 (số vào sổ CS02237), DB770110 (số vào sổ CS02238), DB770111 (số vào sổ CS02239) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 21/5/2021 cho ông Nguyễn Anh V1 vào năm 2021 được chỉnh lý biến động chuyển quyền cho ông Phan Thanh L.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng T được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Hậu Giang (1);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang(1);
- ĐS (6);
- Lưu VP(3), HS(2).17b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ